

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2261/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 677/TTr-SNNMT ngày 26 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể như sau:

1. Công bố 07 Danh mục thủ tục hành chính: Trong đó 04 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh; 03 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã.

(Có Phụ lục I kèm theo)

2. Phê duyệt 07 Quy trình nội bộ giải quyết đối với thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

(Có Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Hương (03b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Minh

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 04 TTHC

TT	Tên thủ tục	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm: 04 TTHC					
1	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp Mã TTHC: 3.000179	4 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Điều 25 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Khoản 1, điểm a khoản 4 Điều 8 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng Mã TTHC: 3.000180	3 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Điều 25 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Khoản 2, điểm b khoản 4 Điều 8 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

3	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức Mã TTHC: 1.000055	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Điều 13 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
4	Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế Mã TTHC: 1.007916	*Trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng thay thế trên địa bàn: 15 ngày *Trường hợp địa phương không bố trí được đất để trồng rừng thay thế trên địa bàn, gồm: - Chủ dự án không	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Điều 22 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

		đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 40 ngày; - Chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền, cụ thể: Trường hợp số tiền chủ				
--	--	--	--	--	--	--

		dự án đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn/cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng: 26 ngày				
--	--	--	--	--	--	--

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ: 03 TTHC

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện Cách thức thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân Mã TTHC: 1.012694	09 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Khoản 5 Điều 13 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Điều 5 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái: Mã TTHC: 3.000250	11 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Phòng chức năng tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công: Mã TTHC: 1.007919	09 ngày	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Phòng chức năng tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	- Khoản 6 Điều 13 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Điều 9 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

PHỤ LỤC II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUY TRÌNH LIÊN THÔNG UBND TỈNH: 07 QUY TRÌNH

1. Tên TTHC: Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp

b) Thời gian giải quyết TTHC : 4 ngày.

d) Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm HCC tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Dự thảo Báo cáo, Tờ trình, Quyết định cấp giấy phép.	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B3	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và MT	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B5	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm HS liên thông (<i>scan</i>)	1/4 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh giải quyết (<i>Xem xét và phê duyệt</i>)			1 ngày
B7	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1/4 ngày
B8	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan Quyết định cấp giấy phép</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				4 ngày

2. Tên TTHC: Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng

b) Thời gian giải quyết TTHC : 3 ngày làm việc

d) Quy trình:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm HCC tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/8 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/8 ngày
		Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Dự thảo Báo cáo, Tờ trình, Quyết định cấp giấy phép.	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/8 ngày
B6	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/8 ngày
B7	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và MT	Ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B9	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
B10	Liên thông UBND tỉnh giải quyết (<i>Xem xét và phê duyệt</i>)			0,75 ngày
	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1/8 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan Quyết định cấp giấy phép</i>)	1/8 ngày
Tổng thời gian thực hiện				03 ngày

3. Tên TTHC: Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 15 ngày
- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình, Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định</i>)	09 ngày
		Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B6	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/4 ngày
B7	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B9	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/4 ngày
	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ			½ ngày

	hành chính công tỉnh			
B10	Tiếp nhận hồ sơ liên thông và trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Quyết định	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

4. Tên TTHC: Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế

4. 1. Trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng thay thế trên địa bàn

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 15 ngày

- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/8 ngày
B2	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/8 ngày
		Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình của Sở Nông nghiệp và MT và dự thảo Văn bản thông báo chấp thuận nộp tiền của UBND tỉnh</i>)	3 ngày
		Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/8 ngày
B4	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/8 ngày

B5	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/8 ngày
B6	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/8 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			01 ngày
	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1/8 ngày
B8	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan Văn bản của UBND tỉnh</i>)	1/8 ngày
B9	Nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Chủ dự án	Nộp đủ số tiền theo văn bản thông báo của UBND cấp tỉnh	7 ngày
B10	Thông báo việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh thông báo bằng Văn bản cho chủ dự án	3 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

4.2. Trường hợp địa phương không bố trí được đất để trồng rừng thay thế trên địa bàn

a) Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền

- Thời gian thực tế giải quyết: 40 ngày
- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/8 ngày
B2	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/8 ngày
		Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình của Sở Nông nghiệp và MT và dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh gửi BNN&MT</i>)	3,5 ngày
		Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/8 ngày
B6	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/8 ngày
B7	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B9	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/8 ngày
B10	Chuyển hồ sơ đề nghị Bộ Nông nghiệp và MT chấp thuận nộp tiền TRTT về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam để tổ chức trồng rừng thay thế ở địa	UBND tỉnh	Tờ trình đề nghị Bộ Nông nghiệp và MT chấp thuận nộp tiền TRTT về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam để tổ chức trồng rừng thay thế ở địa phương khác	01 ngày

	phương khác			
B11	Đề nghị UBND cấp tỉnh nơi tiếp nhận TRTT cung cấp thông tin về địa điểm, đơn giá TRTT trên địa bàn tỉnh tại thời điểm chủ dự án đề nghị nộp tiền	Bộ Nông nghiệp và MT	Văn bản của Bộ Nông nghiệp và MT	5 ngày
B12	Xác nhận về việc bố trí địa điểm trồng rừng thay thế và đơn giá trồng rừng thay thế	UBND tỉnh nơi tiếp nhận TRTT	Văn bản của UBND cấp tỉnh nơi tiếp nhận nguồn kinh phí trồng rừng thay thế	8 ngày
B13	Thông báo đến UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền về thời gian và số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế	Bộ Nông nghiệp và MT	Văn bản của Bộ Nông nghiệp và MT	3 ngày
B14	Thông báo đến Chủ dự án về thời gian và số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế	UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền trồng rừng thay thế	Văn bản của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền trồng rừng thay thế	3 ngày
B15	Nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ	Chủ dự án	Nộp đủ số tiền theo văn bản thông báo của UBND cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ	8 ngày

B16	Chuyển số tiền chủ dự án đã nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam và thông báo việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế đến chủ dự án	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ	Chuyển đủ số tiền do Chủ dự án đã nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam; Văn bản của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ thông báo việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế của chủ dự án	3 ngày
B17	Điều chuyển tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi được lựa chọn trồng rừng thay thế	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam	Kinh phí trồng rừng thay thế được chuyển về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi được lựa chọn trồng rừng thay thế	5 ngày
Tổng thời gian thực hiện				40 ngày

b) Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền

*** Trường hợp số tiền chủ dự án đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế**

- Thời gian thực tế giải quyết: 26 ngày

- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/8 ngày

B2	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/8 ngày
		Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình của Sở Nông nghiệp và MT và dự thảo Văn bản thông báo chấp thuận của UBND tỉnh</i>)	2,875 ngày
		Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/8 ngày
B3	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/8 ngày
B4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/8 ngày
B5	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/8 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			1 ngày
B7	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1/8 ngày
B8	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	1/8 ngày
B9	Nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Chủ dự án	Nộp đủ số tiền theo văn bản thông báo của UBND cấp tỉnh	8 ngày
B10	Thông báo việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh thông báo bằng Văn bản cho chủ dự án	3 ngày

B11	Thông báo về số tiền chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế	UBND cấp tỉnh nơi đề nghị chủ dự án nộp tiền TRTT	Thông báo bằng văn bản của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị chủ dự án nộp tiền TRTT về số tiền chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế	3 ngày
B12	Nộp bổ sung số tiền chênh lệch so với đơn giá đơn giá TRTT của tỉnh nơi tiếp nhận TRTT	Chủ dự án	Nộp đủ số tiền theo văn bản thông báo của UBND cấp tỉnh	7 ngày
Tổng thời gian thực hiện				26 ngày

*** Trường hợp số tiền chủ dự án đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế**

- Thời gian thực tế giải quyết: 26 ngày
- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/8 ngày
B2	Phòng Sử dụng và Phát triển rừng	Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	1/8 ngày
		Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản <i>(Tờ trình của Sở Nông nghiệp và MT và dự thảo Văn bản thông báo chấp thuận của UBND tỉnh)</i>	2,875 ngày

		Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	1/8 ngày
B3	Xem xét và phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục	Ý kiến xét duyệt	1/8 ngày
B4	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	1/8 ngày
B5	Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm HS liên thông (scan)	1/8 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			1,0 ngày
B7	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1/8 ngày
B8	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	1/8 ngày
B9	Nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Chủ dự án	Nộp đủ số tiền theo văn bản thông báo của UBND cấp tỉnh	8 ngày
B10	Thông báo việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh thông báo bằng Văn bản cho chủ dự án	3 ngày
B11	Thông báo về số tiền chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế	UBND cấp tỉnh nơi đề nghị chủ dự án nộp tiền TRTT	Thông báo bằng văn bản của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị chủ dự án nộp tiền TRTT về số tiền chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế	3 ngày

B12	Hoàn trả kinh phí chênh lệch bao gồm cả tiền lãi cho chủ dự án	Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi nộp hồ sơ	Hoàn trả đủ kinh phí chênh lệch bao gồm cả tiền lãi cho chủ dự án	7 ngày
Tổng thời gian thực hiện				26 ngày

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA UBND CẤP XÃ : 03

1. Tên TTHC: Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 09 ngày
- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Phòng chức năng cấp xã	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/4 ngày
B2	Phòng Kinh tế	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	Ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế	Dự thảo Quyết định	7 ngày
		Lãnh đạo Phòng Kinh tế	Ý kiến xét duyệt	1/2 ngày
B3	Ký duyệt hồ sơ	Chủ tịch UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Đóng dấu phát hành	Văn thư đóng dấu và phát hành chuyển cho Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Văn bản phát hành (<i>Quyết định</i>)	1/4 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Phòng chức năng cấp xã	Quyết định	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				9 ngày

2. Tên TTHC: Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 11 ngày
- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TK cấp xã	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phòng Kinh tế	Lãnh đạo Phòng Kinh tế	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên	Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ; Lấy ý kiến về phương án	08 ngày
		Lãnh đạo Phòng chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường	Ý kiến trình phê duyệt	1/4 ngày
B3	Chuyển lãnh đạo UBND cấp xã	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt đối với phương án	01 ngày
B4	Đóng dấu phát hành	Văn thư đóng dấu và phát hành chuyển cho Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Văn bản phát hành	
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Quyết định phê duyệt phương án	¼ ngày
Tổng thời gian thực hiện				11 ngày

3. Tên TTHC: Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 9 ngày

- Trình tự thực hiện:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ Trung tâm phục vụ HCC cấp xã	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phòng Kinh tế	Lãnh đạo Phòng chức năng cấp xã	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên Phòng chức năng cấp xã	Dự thảo Báo cáo thẩm định	06 ngày
		Lãnh đạo Phòng chức năng cấp xã	Ý kiến xét duyệt	1 ngày
B3	Ký duyệt hồ sơ	Chủ tịch UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Đóng dấu phát hành	Văn thư đóng dấu và phát hành chuyển cho Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Báo cáo thẩm định	1/4 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Phòng chức năng cấp xã	Đính kèm kết quả (<i>Báo cáo thẩm định</i>)	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				09 ngày